

BỘ THỦY SẢN
Số: 04/2002/QĐ-BTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Về việc ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 21 tháng 6 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi Thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 86/2001/NĐ-CP ngày 16/11/2001 về điều kiện kinh doanh các ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 175/CP ngày 18/10/1994 về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Công Nghệ và Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Giám đốc các Sở Thủy sản và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, Viện trưởng Viện Nghiên cứu NTTS I, II, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu thủy sản III và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS

ngày 24 tháng 1 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định nội dung quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung nhằm mục đích phát triển nuôi tôm bền vững.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

- Các tổ chức, cá nhân nuôi tôm trong vùng nuôi tôm tập trung trên phạm vi cả nước (sau đây gọi tắt là cơ sở);
- Các cơ quan nghiên cứu và quản lý có liên quan.

Điều 3. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vùng nuôi tôm tập trung là vùng nuôi tôm trên một diện tích từ 30 ha trở lên (không phân biệt địa giới hành chính), có cùng nguồn nước cấp; Tôm được nuôi theo phương thức thâm canh và bán thâm canh;
- Hệ thống xử lý nước bao gồm: ao lắng để chứa và làm sạch nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; ao chứa nước thải để xử lý làm giảm thiểu ô nhiễm trong nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh;
- Chất thải từ hoạt động nuôi tôm gồm chất thải rắn, chất thải lỏng như: thức ăn thừa, phân tôm, xác tôm chết, dư lượng các loại thuốc, hoá chất phòng trị bệnh cho tôm, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường ao nuôi, nước thải từ ao nuôi;
- Quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung là biện pháp kiểm soát các hoạt động trong nuôi tôm từ khâu chọn địa điểm xây dựng ao đầm nuôi, cải tạo ao đầm, xử lý nước, thả giống, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh đến thu hoạch tôm thương phẩm.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG

VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG

Điều 4. Các dự án đầu tư nuôi tôm phải tuân thủ các quy định trong Thông tư số 490/1998/TT-BKHCMNT ngày 29/4/1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường

hướng dẫn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các Dự án đầu tư;

Điều 5. Xây dựng ao đầm nuôi tôm phải thoả mãn các yêu cầu sau:

1. Địa điểm xây dựng: Tránh nguồn chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt của khu vực đông dân cư (nơi có dư lượng các hoá chất và chất hữu cơ vượt quá mức cho phép);
2. Nguồn nước nuôi tôm phải bảo đảm các chỉ tiêu theo Thông tư của Bộ Thủy sản số 01/2000/TT-BTS ngày 28/4/2000 sửa đổi bổ sung Thông tư số 04/TS-TT ngày 30/8/1990 (Phụ lục 1, bảng 1a về giá trị giới hạn cho phép nồng độ các chất ô nhiễm trong nước biển, vùng nuôi thủy sản ven bờ); Chất đất phù hợp với yêu cầu của ao nuôi tôm;
3. Bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng: điện, đường giao thông, các hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước; khu vực chứa bùn của ao nuôi do nạo vét cải tạo.
4. Diện tích ao lắng, ao xử lý nước thải có tỷ lệ diện tích phù hợp với ao nuôi.

Điều 6. Các quy định đối với hoạt động nuôi tôm:

1. Tôm giống trước khi đưa vào vùng nuôi phải được thuần dưỡng và kiểm tra dịch bệnh (virut, vi khuẩn và ký sinh trùng...). Chất lượng tôm giống phải bảo đảm theo tiêu chuẩn Ngành (28 TCN 124: 1998 đối với tôm sú giống P15; 28 TCN 96: 1996 đối với tôm sú giống từ P25 đến P30)).
2. Trong quá trình nuôi dưỡng, thấy tôm có hiện tượng nhiễm bệnh, Cơ sở tuyệt đối không được tháo nước ao nuôi ra môi trường xung quanh, cần báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trên địa bàn để tìm cách khắc phục và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan chức năng trong việc xử lý dịch bệnh.
3. Hạn chế đến mức thấp nhất việc dùng thuốc thú y, hoá chất và chế phẩm sinh học trong nuôi tôm; Sử dụng thuốc thú y, hoá chất và chế phẩm sinh học phải thực hiện đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và cơ quan chuyên môn; Tuyệt đối không được sử dụng các loại thuốc thú y, hoá chất và chế phẩm sinh học thuộc danh mục cấm do Bộ Thủy sản quy định.